

Số: 310/QĐ-ĐHKTCN

Cần Thơ, ngày 31 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận sinh viên tốt nghiệp đại học chính quy
đợt tháng 3 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

Căn cứ Quyết định số 249/QĐ-TTg ngày 29 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 493/QĐ-ĐHKTCN ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 400/QĐ-ĐHKTCN ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Kế hoạch số 85/KH-ĐHKTCN ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ về việc xét công nhận và trao bằng tốt nghiệp sinh viên đại học chính quy đợt tháng 3 năm 2025,

Căn cứ Quyết định số 277/QĐ-ĐHKTCN ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ về việc thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp đại học chính quy đợt tháng 3 năm 2025;

Căn cứ Biên bản số 343/BB-ĐHKTCN ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ về việc xét tốt nghiệp sinh viên đại học chính quy đợt tháng 3 năm 2025;

Theo đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp đại học chính quy đợt tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 283 sinh viên tốt nghiệp đại học chính quy (có danh sách kèm theo), trong đó:

STT	Ngành	Số lượng sinh viên		
		Cử nhân	Kỹ sư	Tổng
1	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	0	2	2
2	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	0	7	7

STT	Ngành	Số lượng sinh viên		
		Cử nhân	Kỹ sư	Tổng
3	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	0	20	20
4	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	0	2	2
5	Công nghệ sinh học	0	4	4
6	Công nghệ thông tin	0	15	15
7	Công nghệ thực phẩm	0	6	6
8	Hệ thống thông tin	0	10	10
9	Khoa học dữ liệu	0	6	6
10	Khoa học máy tính	0	7	7
11	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	0	4	4
12	Kỹ thuật phần mềm	0	18	18
13	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	0	4	4
14	Quản lý công nghiệp	1	3	4
15	Quản lý xây dựng	1	7	8
16	Kế toán	37	0	37
17	Luật	22	0	22
18	Ngôn ngữ Anh	25	0	25
19	Quản trị kinh doanh	61	0	61
20	Tài chính - Ngân hàng	21	0	21
		168	115	283

Điều 2. Các Khoa, Phòng Đào tạo, Phòng Công tác chính trị và Quản lý sinh viên, các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, P.ĐT.



NGND.PGS.TS Huỳnh Thanh Nhã

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐU ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐỢT THÁNG 3 NĂM 2025



(Kèm theo Quyết định số 310/QĐ-ĐHKTCN, ngày 31 tháng 3 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ)

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN
1	2100291	Nguyễn Quốc	An	Nam	Kinh	Việt Nam	05/10/2003	Tỉnh Bạc Liêu	Kế toán	130	2.61	Khá
2	2100515	Huỳnh Minh	Anh	Nữ	Kinh	Việt Nam	03/11/2003	Thành phố Cần Thơ	Kế toán	130	2.95	Khá
3	2101585	Nguyễn Thí	Anh	Nữ	Kinh	Việt Nam	09/10/2002	Thành phố Cần Thơ	Kế toán	130	3.80	Xuất sắc
4	2101024	Nguyễn Thị Cẩm	Chương	Nữ	Kinh	Việt Nam	13/01/2003	Tỉnh Long An	Kế toán	130	2.80	Khá
5	2100184	Trần Phan Chí	Dinh	Nam	Kinh	Việt Nam	06/01/2003	Tỉnh Sóc Trăng	Kế toán	130	2.54	Khá
6	2100255	Trần Thành	Đồng	Nam	Kinh	Việt Nam	18/9/2003	Tỉnh Kiên Giang	Kế toán	130	2.56	Khá
7	2100279	Tạ Anh	Dũng	Nam	Kinh	Việt Nam	31/01/2003	Tỉnh Lai Châu	Kế toán	130	2.57	Khá
8	2101188	Mai Thị Thanh	Hằng	Nữ	Kinh	Việt Nam	29/8/2003	Thành phố Cần Thơ	Kế toán	130	2.80	Khá
9	2100786	Huỳnh Thị Mỹ	Hoa	Nữ	Kinh	Việt Nam	25/4/2003	Thành phố Cần Thơ	Kế toán	130	2.86	Khá
10	2100276	Nguyễn Thái	Hùng	Nam	Kinh	Việt Nam	16/10/2003	Tỉnh Sóc Trăng	Kế toán	130	2.83	Khá
11	2100283	Nguyễn Thanh	Huy	Nam	Kinh	Việt Nam	13/9/2003	Thành phố Cần Thơ	Kế toán	130	2.68	Khá
12	2100849	Nguyễn Thị Tuyết	Huỳnh	Nữ	Kinh	Việt Nam	15/3/2003	Tỉnh Kiên Giang	Kế toán	130	3.32	Giỏi
13	2100048	Huỳnh Thị Ngọc	Lợi	Nữ	Kinh	Việt Nam	04/02/2003	Tỉnh Sóc Trăng	Kế toán	130	2.59	Khá
14	2101285	Nguyễn Hồng	Ngọc	Nữ	Kinh	Việt Nam	25/8/2003	Thành phố Cần Thơ	Kế toán	130	3.45	Giỏi
15	2101616	Trần Minh Phương	Ngọc	Nữ	Kinh	Việt Nam	19/8/2003	Thành phố Cần Thơ	Kế toán	130	3.54	Giỏi
16	2100615	Võ Thị Yến	Nhi	Nữ	Kinh	Việt Nam	27/01/2003	Tỉnh Vĩnh Long	Kế toán	130	2.52	Khá
17	2100627	Huỳnh Mỹ	Nhung	Nữ	Kinh	Việt Nam	14/01/2003	Tỉnh Kiên Giang	Kế toán	130	2.53	Khá
18	2100727	Trần Thu	Phương	Nữ	Kinh	Việt Nam	01/9/2003	Tỉnh Cà Mau	Kế toán	130	2.84	Khá
19	2100573	Nguyễn Giang	Quỳnh	Nữ	Kinh	Việt Nam	19/02/2003	Tỉnh Cần Thơ	Kế toán	130	2.79	Khá
20	2101059	Phan Thị Như	Quỳnh	Nữ	Kinh	Việt Nam	01/01/2003	Tỉnh Cà Mau	Kế toán	130	3.12	Khá
21	2100699	Phạm Thị Cẩm	Thiên	Nữ	Kinh	Việt Nam	01/8/2003	Tỉnh Đồng Tháp	Kế toán	130	2.52	Khá
22	2100994	Lê Thị Anh	Thư	Nữ	Kinh	Việt Nam	03/3/2003	Tỉnh Bạc Liêu	Kế toán	130	2.89	Khá
23	2100805	Trần Thị Minh	Thư	Nữ	Kinh	Việt Nam	19/10/2003	Tỉnh Cần Thơ	Kế toán	130	2.57	Khá
24	2100806	Trần Ngọc Anh	Thy	Nữ	Kinh	Việt Nam	22/02/2003	Tỉnh Sóc Trăng	Kế toán	130	2.83	Khá
25	2101606	Vũ Ngọc Anh	Thy	Nữ	Kinh	Việt Nam	14/4/2003	Thành phố Cần Thơ	Kế toán	130	2.73	Khá
26	2100039	Bùi Thị Mai	Trâm	Nữ	Kinh	Việt Nam	10/4/2002	Tỉnh Cà Mau	Kế toán	130	2.67	Khá
27	2100628	Nguyễn Ngọc Bảo	Trần	Nữ	Kinh	Việt Nam	01/11/2003	Thành phố Cần Thơ	Kế toán	130	2.98	Khá
28	2101047	Võ Thị Huyền	Trần	Nữ	Kinh	Việt Nam	25/01/2002	Thành phố Cần Thơ	Kế toán	130	3.19	Khá
29	2100825	Trần Thị Thuý	Trang	Nữ	Kinh	Việt Nam	04/12/2003	Tỉnh Cần Thơ	Kế toán	130	3.40	Giỏi
30	2100938	Lê Thị Thảo	Trình	Nữ	Kinh	Việt Nam	20/3/2003	Tỉnh Trà Vinh	Kế toán	130	2.42	Trung bình
31	2100446	Vương Thị Mỹ	Trình	Nữ	Kinh	Việt Nam	16/02/2003	Thành phố Cần Thơ	Kế toán	130	2.60	Khá
32	2101393	Nguyễn Trung	Trúc	Nam	Kinh	Việt Nam	13/01/2003	Tỉnh Cà Mau	Kế toán	130	2.77	Khá
33	2100577	Phạm Thảo	Vân	Nữ	Kinh	Việt Nam	26/9/2003	Tỉnh Cần Thơ	Kế toán	130	2.60	Khá
34	2100977	Dương Thị Tường	Vi	Nữ	Kinh	Việt Nam	29/11/2003	Tỉnh Kiên Giang	Kế toán	130	3.04	Khá
35	2100816	Trần Thị Kha	Vi	Nữ	Kinh	Việt Nam	10/3/2003	Tỉnh Kiên Giang	Kế toán	130	2.70	Khá
36	2101089	Huỳnh Văn	Việt	Nam	Kinh	Việt Nam	19/5/2003	Tỉnh Sóc Trăng	Kế toán	130	2.93	Khá

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN
37	2101559	Huỳnh Tú	Xuyên	Nữ	Kinh	Việt Nam	20/5/2003	Thành phố Cần Thơ	Kế toán	130	3.66	Xuất sắc
38	2100860	Lê Ngọc	Anh	Nữ	Kinh	Việt Nam	03/5/2002	Tỉnh Sóc Trăng	Luật	130	3.25	Giỏi
39	2101158	Bùi Minh	Đạt	Nam	Kinh	Việt Nam	28/01/2003	Thành phố Cần Thơ	Luật	130	3.08	Khá
40	2100867	Phan Ngọc	Đoàn	Nam	Kinh	Việt Nam	10/8/2003	Thành phố Cần Thơ	Luật	130	3.19	Khá
41	2101067	Đinh Thị Tường	Duy	Nữ	Kinh	Việt Nam	10/9/2003	Tỉnh Sóc Trăng	Luật	130	3.04	Khá
42	2100919	Nguyễn Gia	Hân	Nữ	Kinh	Việt Nam	15/12/2003	Tỉnh Vĩnh Long	Luật	130	2.89	Khá
43	2100638	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	Kinh	Việt Nam	05/4/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Luật	130	2.89	Khá
44	2100726	Trương Bé	Huyền	Nữ	Kinh	Việt Nam	14/9/2003	Tỉnh Bạc Liêu	Luật	130	2.70	Khá
45	2100784	Lê Mỹ	Kiều	Nữ	Kinh	Việt Nam	23/02/2003	Thành phố Cần Thơ	Luật	130	3.07	Khá
46	2100893	Lê Thị Như	My	Nữ	Kinh	Việt Nam	12/11/2003	Thành phố Cần Thơ	Luật	130	3.15	Khá
47	2100629	Dương Thị Kiều	My	Nữ	Kinh	Việt Nam	22/9/2003	Tỉnh Hậu Giang	Luật	130	3.01	Khá
48	2100927	Hồ Hải	Nam	Nam	Kinh	Việt Nam	03/6/2003	Tỉnh Cà Mau	Luật	130	3.24	Giỏi
49	2100127	Nguyễn Thị Bích	Phượng	Nữ	Kinh	Việt Nam	23/12/2003	Thành phố Cần Thơ	Luật	130	2.85	Khá
50	2100833	Lê Đặng Anh	Thư	Nữ	Kinh	Việt Nam	13/10/2003	Tỉnh Vĩnh Long	Luật	130	3.31	Giỏi
51	2100827	Nguyễn Hữu	Toàn	Nam	Kinh	Việt Nam	19/10/2003	Thành phố Cần Thơ	Luật	130	3.15	Khá
52	2100814	Lê Phương	Trâm	Nữ	Kinh	Việt Nam	25/7/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Luật	130	2.76	Khá
53	2100895	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	Kinh	Việt Nam	13/9/2003	Thành phố Cần Thơ	Luật	130	3.02	Khá
54	2100791	Thái Ngọc	Trọng	Nam	Kinh	Việt Nam	12/4/2003	Thành phố Cần Thơ	Luật	130	3.29	Giỏi
55	2100848	Huỳnh Thị Mỹ	Tuyền	Nữ	Kinh	Việt Nam	06/3/2003	Tỉnh Đồng Tháp	Luật	130	3.40	Giỏi
56	2101181	Thái Thị Thanh	Tuyên	Nữ	Kinh	Việt Nam	16/8/2003	Tỉnh Bạc Liêu	Luật	130	2.94	Khá
57	2100798	Nguyễn Thị Thúy	Uyên	Nữ	Kinh	Việt Nam	24/12/2003	Thành phố Cần Thơ	Luật	130	3.20	Giỏi
58	2100091	Nguyễn Thị Như	Ý	Nữ	Kinh	Việt Nam	24/7/2003	Tỉnh Bạc Liêu	Luật	130	3.05	Khá
59	2101022	Phạm Thị Như	Ý	Nữ	Kinh	Việt Nam	08/01/2003	Tỉnh Đồng Tháp	Luật	130	2.88	Khá
60	2101369	Nguyễn Đình Trọng	Ân	Nam	Kinh	Việt Nam	19/8/2003	Thành phố Cần Thơ	Ngôn ngữ Anh	130	3.16	Khá
61	2100834	Lý Quốc	Bào	Nam	Kinh	Việt Nam	06/5/2003	Tỉnh Hậu Giang	Ngôn ngữ Anh	130	3.13	Khá
62	2101342	Phan Thị Hồng	Gám	Nữ	Kinh	Việt Nam	29/5/2003	Tỉnh Bạc Liêu	Ngôn ngữ Anh	130	3.43	Giỏi
63	2100877	Trần Thị Kim	Hiên	Nữ	Kinh	Việt Nam	29/01/2003	Tỉnh Sóc Trăng	Ngôn ngữ Anh	130	3.04	Khá
64	2100844	Lê Quang	Huy	Nam	Kinh	Việt Nam	25/01/2003	Thành phố Cần Thơ	Ngôn ngữ Anh	130	3.00	Khá
65	2100774	Lê Thị Ngọc	Huyền	Nữ	Kinh	Việt Nam	02/8/2001	Thành phố Cần Thơ	Ngôn ngữ Anh	130	2.92	Khá
66	2100907	Lê Phương	Mai	Nữ	Kinh	Việt Nam	29/11/2003	Thành phố Cần Thơ	Ngôn ngữ Anh	130	3.52	Giỏi
67	2100753	Đỗ Thị Mỹ	Ngân	Nữ	Kinh	Việt Nam	10/4/2003	Thành phố Cần Thơ	Ngôn ngữ Anh	130	3.09	Khá
68	2101567	Bạch Gia	Nghi	Nữ	Kinh	Việt Nam	15/11/2003	Thành phố Cần Thơ	Ngôn ngữ Anh	130	3.40	Giỏi
69	2100875	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	Kinh	Việt Nam	20/4/2003	Tỉnh Sóc Trăng	Ngôn ngữ Anh	130	2.72	Khá
70	2100984	Nguyễn Yên	Ngọc	Nữ	Kinh	Việt Nam	25/12/2003	Tỉnh Đồng Tháp	Ngôn ngữ Anh	130	3.19	Khá
71	2100018	Nguyễn Thị Hồng	Nguyên	Nữ	Khmer	Việt Nam	10/11/2003	Thành phố Cần Thơ	Ngôn ngữ Anh	130	2.95	Khá
72	2100008	Lê Uyên	Nhi	Nữ	Kinh	Việt Nam	09/7/2003	Tỉnh Cần Thơ	Ngôn ngữ Anh	130	2.71	Khá
73	2101602	Trương Cẩm	Nhi	Nữ	Kinh	Việt Nam	20/10/2003	Thành phố Cần Thơ	Ngôn ngữ Anh	130	3.17	Khá
74	2100989	Nguyễn Bùi Thảo	Như	Nữ	Kinh	Việt Nam	17/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	130	3.08	Khá
75	2100980	Ngô Trần Ngọc	Phụng	Nữ	Kinh	Việt Nam	31/10/2003	Tỉnh Đồng Tháp	Ngôn ngữ Anh	130	3.14	Khá
76	2100529	Nguyễn Thành Phú	Quý	Nam	Kinh	Việt Nam	24/01/2003	Tỉnh Sóc Trăng	Ngôn ngữ Anh	130	2.87	Khá
77	2100132	Nguyễn Hạnh	Quyên	Nữ	Kinh	Việt Nam	25/5/2003	Tỉnh Sóc Trăng	Ngôn ngữ Anh	130	2.68	Khá
78	2101063	Bùi Bích	Thủy	Nữ	Kinh	Việt Nam	29/6/2003	Tỉnh Hậu Giang	Ngôn ngữ Anh	130	3.17	Khá

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN
121	2101365	Trần Ngọc Khánh	Ngân	Nữ	Kinh	Việt Nam	29/5/2003	Thành phố Cần Thơ	Quản trị kinh doanh	130	2.92	Khá
122	2100043	Trần Tuyết	Ngân	Nữ	Kinh	Việt Nam	30/8/2003	Tỉnh Sóc Trăng	Quản trị kinh doanh	130	3.05	Khá
123	2100170	Nguyễn Minh	Nghê	Nam	Kinh	Việt Nam	01/12/2003	Tỉnh Sóc Trăng	Quản trị kinh doanh	130	3.03	Khá
124	2100169	Lê Minh	Nghĩa	Nam	Kinh	Việt Nam	20/8/2003	Tỉnh Cà Mau	Quản trị kinh doanh	130	2.92	Khá
125	2101264	Trương Thị	Ngọc	Nữ	Kinh	Việt Nam	30/8/2003	Tỉnh Sóc Trăng	Quản trị kinh doanh	130	3.38	Giỏi
126	2100679	Nguyễn Đỗ Phước	Nguyên	Nam	Kinh	Việt Nam	23/6/2003	Thành phố Cần Thơ	Quản trị kinh doanh	130	2.82	Khá
127	2101547	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	Nữ	Kinh	Việt Nam	22/10/2003	Tỉnh Sóc Trăng	Quản trị kinh doanh	130	2.75	Khá
128	2101314	Trần Trí	Nguyên	Nam	Kinh	Việt Nam	21/7/2003	Thành phố Cần Thơ	Quản trị kinh doanh	130	3.10	Khá
129	2100657	Trần Vĩnh Bảo	Nhi	Nữ	Kinh	Việt Nam	01/01/2003	Thành phố Cần Thơ	Quản trị kinh doanh	130	3.01	Khá
130	2101034	Trịnh Thị Quyên	Nhi	Nữ	Kinh	Việt Nam	08/5/2003	Tỉnh Cà Mau	Quản trị kinh doanh	130	3.01	Khá
131	2101583	Lê Thị Mỹ	Như	Nữ	Kinh	Việt Nam	19/4/2003	Tỉnh Sóc Trăng	Quản trị kinh doanh	130	3.05	Khá
132	2101039	Nguyễn Tấn	Phúc	Nam	Kinh	Việt Nam	05/01/2003	Tỉnh Đồng Tháp	Quản trị kinh doanh	130	2.78	Khá
133	2100262	Mai Thị Tú	Quyên	Nữ	Kinh	Việt Nam	15/11/2003	Tỉnh Sóc Trăng	Quản trị kinh doanh	130	2.94	Khá
134	2100372	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	Kinh	Việt Nam	06/01/2003	Tỉnh Cà Mau	Quản trị kinh doanh	130	2.51	Khá
135	2100307	Lưu Hoàng Minh	Tâm	Nam	Kinh	Việt Nam	06/01/2003	Tỉnh Đồng Tháp	Quản trị kinh doanh	130	2.87	Khá
136	2100109	Lê Trúc	Thanh	Nữ	Kinh	Việt Nam	12/5/2003	Tỉnh Kiên Giang	Quản trị kinh doanh	130	3.00	Khá
137	2100813	Lưu Huệ	Thanh	Nam	Kinh	Việt Nam	25/8/2003	Tỉnh Trà Vinh	Quản trị kinh doanh	130	3.03	Khá
138	2101165	Nguyễn Võ Ngọc	Thảo	Nữ	Kinh	Việt Nam	12/3/2003	Tỉnh Vĩnh Long	Quản trị kinh doanh	130	3.16	Khá
139	2101548	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	Kinh	Việt Nam	07/11/2003	Tỉnh Cần Thơ	Quản trị kinh doanh	130	2.88	Khá
140	2100721	Phạm Anh	Thư	Nữ	Kinh	Việt Nam	29/9/2003	Tỉnh Cà Mau	Quản trị kinh doanh	130	2.86	Khá
141	2100339	Phạm Cẩm	Tiên	Nữ	Kinh	Việt Nam	28/6/2003	Tỉnh Cà Mau	Quản trị kinh doanh	130	2.86	Khá
142	2100898	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	Nữ	Kinh	Việt Nam	08/8/2003	Tỉnh Trà Vinh	Quản trị kinh doanh	130	3.28	Giỏi
143	2101418	Lê Ngọc	Trân	Nữ	Kinh	Việt Nam	06/8/2003	Tỉnh Vĩnh Long	Quản trị kinh doanh	130	3.39	Giỏi
144	2100047	Phạm Ngọc Bảo	Trân	Nữ	Kinh	Việt Nam	19/02/2003	Thành phố Cần Thơ	Quản trị kinh doanh	130	3.17	Khá
145	2100482	Nguyễn Lê Xuân	Trang	Nữ	Kinh	Việt Nam	02/5/2003	Tỉnh Sóc Trăng	Quản trị kinh doanh	130	3.21	Giỏi
146	2100675	Trần Thu	Trình	Nữ	Kinh	Việt Nam	20/5/2003	Thành phố Cần Thơ	Quản trị kinh doanh	130	3.25	Giỏi
147	2101282	Đỗ Huỳnh Khã	Vy	Nữ	Hoa	Việt Nam	12/3/2003	Thành phố Cần Thơ	Quản trị kinh doanh	130	2.97	Khá
148	2100016	Phạm Hữu Thoại	Anh	Nam	Kinh	Việt Nam	09/10/2000	Thành phố Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng	130	3.16	Khá
149	2100389	Phạm Hiền	Bảng	Nam	Kinh	Việt Nam	11/7/2003	Tỉnh Sóc Trăng	Tài chính - Ngân hàng	130	2.71	Khá
150	2100925	Phạm Nhật	Bình	Nam	Kinh	Việt Nam	02/4/2003	Tỉnh Bạc Liêu	Tài chính - Ngân hàng	130	2.72	Khá
151	2100797	Nguyễn Huyền	Đoan	Nữ	Kinh	Việt Nam	02/12/2003	Tỉnh Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng	130	2.61	Khá
152	2100967	Kiều Thị Hồng	Hạnh	Nữ	Kinh	Việt Nam	17/12/2003	Thành phố Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng	130	2.53	Khá
153	2100186	Trần Hữu	Hoan	Nam	Kinh	Việt Nam	28/10/2003	Tỉnh An Giang	Tài chính - Ngân hàng	130	2.60	Khá
154	2100792	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	Kinh	Việt Nam	10/5/2003	Tỉnh Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng	130	2.35	Trung bình
155	2100519	Huỳnh Thị Xuân	Mai	Nữ	Kinh	Việt Nam	06/01/2003	Tỉnh Bạc Liêu	Tài chính - Ngân hàng	130	2.92	Khá
156	2100785	Lê Thị Trúc	Mơ	Nữ	Kinh	Việt Nam	21/12/2003	Tỉnh Sóc Trăng	Tài chính - Ngân hàng	130	2.90	Khá
157	2100190	Bùi Thị	Ngân	Nữ	Kinh	Việt Nam	24/4/2003	Tỉnh Kiên Giang	Tài chính - Ngân hàng	130	2.62	Khá
158	2100631	Lê Ánh	Nguyệt	Nữ	Kinh	Việt Nam	14/10/2003	Tỉnh Kiên Giang	Tài chính - Ngân hàng	130	2.94	Khá
159	2100815	Bùi Thị Mỹ	Nhi	Nữ	Kinh	Việt Nam	23/12/2003	Tỉnh Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng	130	2.68	Khá
160	2100882	Nguyễn Thị	Thư	Nữ	Kinh	Việt Nam	07/9/2002	Tỉnh An Giang	Tài chính - Ngân hàng	130	3.21	Giỏi
161	2100900	Trần Thanh	Thùy	Nữ	Kinh	Việt Nam	15/4/2003	Tỉnh Cà Mau	Tài chính - Ngân hàng	130	3.44	Giỏi
162	2100748	Nguyễn Minh	Tiến	Nam	Kinh	Việt Nam	06/11/2003	Thành phố Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng	130	2.20	Trung bình

TH
HOC
HU
3 NI
J TH
*

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN
163	2100787	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	Nữ	Kinh	Việt Nam	10/3/2003	Tỉnh Cà Mau	Tài chính - Ngân hàng	130	2.75	Khá
164	2100693	Đào Ngọc	Trân	Nữ	Kinh	Việt Nam	02/12/2003	Tỉnh Vĩnh Long	Tài chính - Ngân hàng	130	2.66	Khá
165	2100130	Quách Thị Tuyết	Trân	Nữ	Kinh	Việt Nam	23/5/2003	Tỉnh Sóc Trăng	Tài chính - Ngân hàng	130	2.75	Khá
166	2100604	Nguyễn Nhật	Trường	Nam	Kinh	Việt Nam	15/01/2003	Tỉnh Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng	130	2.86	Khá
167	2100868	Trần Thị	Vui	Nữ	Kinh	Việt Nam	22/3/2003	Tỉnh Kiên Giang	Tài chính - Ngân hàng	130	2.29	Trung bình
168	2100794	Lâm Vương Thanh	Vy	Nữ	Kinh	Việt Nam	11/5/2003	Tỉnh Trà Vinh	Tài chính - Ngân hàng	130	2.85	Khá

Tổng số: 168 sinh viên; Tổng xếp loại: Xuất sắc: 05, Giỏi: 30, Khá: 127, Trung bình: 06

PHÒNG CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ VÀ QUẢN LÝ SINH VIÊN



ThS. Nguyễn Chí Hiếu

PHÒNG ĐÀO TẠO



TS. Nguyễn Minh Tuấn



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐUỔI ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP KỸ SƯ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐỢT THÁNG 3 NĂM 2025

Thực theo Quyết định số 310/QĐ-ĐHKTCN, ngày 31 tháng 3 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ



STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN
1	2000329	Nguyễn Huỳnh	Giao	Nam	Kinh	Việt Nam	26/01/2002	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	150	2.50	Khá
2	2000054	Lê Duy	Linh	Nam	Kinh	Việt Nam	14/01/2002	Tỉnh Bạc Liêu	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	151	2.28	Trung bình
3	2000827	Trần	Juôl	Nam	Kinh	Việt Nam	11/3/2002	Tỉnh Cà Mau	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	150	2.71	Khá
4	1900712	Võ Duy	Phương	Nam	Kinh	Việt Nam	09/02/2001	Tỉnh Cà Mau	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	150	2.47	Trung bình
5	2000788	Trần Văn	Thoại	Nam	Kinh	Việt Nam	20/5/2002	Tỉnh Cần Thơ	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	150	2.47	Trung bình
6	2001120	Danh	Toàn	Nam	Khmer	Việt Nam	30/4/2002	Tỉnh Kiên Giang	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	150	2.62	Khá
7	2000421	Lê Nguyễn Quốc	Toàn	Nam	Kinh	Việt Nam	12/10/2002	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	150	2.65	Khá
8	1900564	Lê Thanh	Trung	Nam	Kinh	Việt Nam	04/10/2001	Tỉnh An Giang	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	150	2.63	Khá
9	2000869	Nguyễn Thái	Vĩnh	Nam	Kinh	Việt Nam	22/6/2002	Tỉnh An Giang	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	150	2.71	Khá
10	2000015	Bùi Văn	Anh	Nam	Kinh	Việt Nam	27/9/2002	Tỉnh Hà Tĩnh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	150	2.49	Trung bình
11	2000836	Trần Thị Lan	Anh	Nữ	Kinh	Việt Nam	05/01/2002	Tỉnh Bến Tre	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	150	2.70	Khá
12	2001154	Trương Hoàng	Bá	Nam	Hoa	Việt Nam	26/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	150	2.26	Trung bình
13	2000189	Huỳnh Phú	Đông	Nam	Kinh	Việt Nam	27/4/2002	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	150	2.47	Trung bình
14	2000191	Huỳnh Văn	Đông	Nam	Kinh	Việt Nam	05/01/2002	Tỉnh Cần Thơ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	150	2.17	Trung bình
15	2000834	Dặng Song	Dul	Nam	Kinh	Việt Nam	03/3/2002	Tỉnh Cà Mau	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	150	2.43	Trung bình
16	2000383	Lý Nhật	Hải	Nam	Kinh	Việt Nam	31/10/2002	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	150	2.26	Trung bình
17	2000465	Nguyễn Long	Hồ	Nam	Kinh	Việt Nam	26/6/2001	Tỉnh Bạc Liêu	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	150	3.20	Giỏi
18	1700466	HUYNH GIA	KHANG	Nam	Kinh	Việt Nam	13/12/1999	Tỉnh An Giang	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	150	2.21	Trung bình
19	2000621	Lê Nguyễn Trọng	Khang	Nam	Kinh	Việt Nam	16/8/2001	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	150	2.51	Khá
20	2000028	Huỳnh Vĩnh	Kỳ	Nam	Kinh	Việt Nam	12/10/2002	Tỉnh Cà Mau	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	150	2.35	Trung bình
21	2000780	Nguyễn Hoài	Nam	Nam	Kinh	Việt Nam	10/02/2002	Tỉnh An Giang	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	150	2.28	Trung bình
22	2001161	Trần Hiếu	Nghĩa	Nam	Kinh	Việt Nam	07/8/2002	Tỉnh Vĩnh Long	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	150	2.84	Khá
23	2000965	Trần Đức	Nguyễn	Nam	Kinh	Việt Nam	18/02/2002	Tỉnh Cà Mau	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	150	2.53	Khá
24	2000815	Nguyễn So	Ny	Nam	Kinh	Việt Nam	15/11/2002	Tỉnh Hậu Giang	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	150	2.32	Trung bình
25	2000339	Nguyễn Nhật	Oai	Nam	Kinh	Việt Nam	17/02/2002	Tỉnh An Giang	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	150	3.10	Khá
26	2000533	Trần Quang	Sang	Nam	Kinh	Việt Nam	22/12/2002	Tỉnh Bạc Liêu	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	150	2.79	Khá
27	2000312	Dương Trí	Thông	Nam	Kinh	Việt Nam	18/5/2002	Tỉnh Bạc Liêu	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	150	2.33	Trung bình
28	2000681	Nguyễn Thoại	Uy	Nam	Kinh	Việt Nam	13/5/2000	Tỉnh Vĩnh Long	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	150	3.00	Khá
29	2000522	Trương Triều	Vĩ	Nam	Kinh	Việt Nam	08/8/2002	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	150	2.26	Trung bình
30	2001266	Nguyễn Ngọc	Huân	Nam	Kinh	Việt Nam	27/10/2002	Tỉnh Ninh Thuận	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	150	2.54	Khá
31	2000867	Hồ Nguyễn Quyền	Thơ	Nữ	Kinh	Việt Nam	16/10/2002	Tỉnh Trà Vinh	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	150	2.62	Khá
32	2000876	Nguyễn Kiều	My	Nữ	Kinh	Việt Nam	27/12/2002	Tỉnh Kiên Giang	Công nghệ sinh học	150	2.50	Khá
33	2000235	Hồ Thanh	Nhân	Nam	Kinh	Việt Nam	29/3/2002	Tỉnh Cần Thơ	Công nghệ sinh học	150	2.16	Trung bình



STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN
112	2000511	Dương Văn	Salro	Nam	Kinh	Việt Nam	04/6/2002	Thành phố Cần Thơ	Quản lý xây dựng	150	2.67	Khá
113	1900554	Trần Lê Phúc	Sang	Nam	Kinh	Việt Nam	14/9/2001	Thành phố Cần Thơ	Quản lý xây dựng	150	2.10	Trung bình
114	2001158	Dương Đức	Toàn	Nam	Kinh	Việt Nam	17/3/2002	Tỉnh Sóc Trăng	Quản lý xây dựng	150	2.29	Trung bình
115	2000430	Nguyễn Đức	Toàn	Nam	Kinh	Việt Nam	13/4/2002	Thành phố Cần Thơ	Quản lý xây dựng	150	2.53	Khá

Tổng số: 115 sinh viên; Tổng xếp loại: Giỏi: 08, Khá: 56, Trung bình: 51.

PHÒNG CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ VÀ QUẢN LÝ SINH VIÊN



ThS. Nguyễn Chí Hiếu

PHÒNG ĐÀO TẠO



TS. Nguyễn Minh Tuấn

